

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 11  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 139/2026/DS-ST  
Ngày: 29 - 7 - 2026  
Về việc tranh chấp “Hợp đồng  
vay tài sản”.

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Lâm Sơn;
- Ông Nguyễn Văn Trí.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Xuân Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 213/2026/TLST-DS ngày 16/4/2026 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2026/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: Số B, tổ H, ấp T, xã C, tỉnh An Giang, (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu G, sinh năm 1997; địa chỉ: Số B, tổ A, ấp T, xã C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 10/4/2026 và các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hà Thị N trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 12/01/2026 bà N có cho ông Nguyễn Hữu G vay số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng; khi vay ông Nguyễn

Hữu G có làm biên nhận nợ (giấy tay) thỏa thuận không lãi suất; mục đích vay là để bổ sung nguồn vốn sinh hoạt gia đình, thời hạn vay là 10 ngày.

Do đến hạn thanh toán ông Nguyễn Hữu G không thực hiện việc trả nợ cho bà N nhưng ông G ký tên vào biên nhận nợ ngày 12/01/2026; Nên bà Hà Thị N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu G có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, bà N không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu G đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông G vắng mặt không lý do. Nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông G về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N.

Tại phiên tòa nguyên đơn gửi nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn ông Nguyễn Hữu G vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N.

- Buộc ông Nguyễn Hữu G có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị N số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Hữu G đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng hôm nay ông G vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông G là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Bà Hà Thị N khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Hữu G. Ông G có nơi cư trú tại ấp T, xã C, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân Khu vực 11 - An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn qua lời khai của đương sự thể hiện bằng biên nhận nợ ngày 12/01/2026. Hội đồng xét xử xác

định giữa bà Hà Thị N và ông Nguyễn Hữu G có xác lập hợp đồng vay với tổng số tiền 150.000.000 (*Một trăm năm mươi triệu*) đồng. Do đến hạn thanh toán khoản vay bị đơn ông G không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà N nên phát sinh tranh chấp.

Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận được xác lập giữa bà Hà Thị N và ông Nguyễn Hữu G là hoàn toàn tự nguyện không trái với đạo đức xã hội phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự; do đến kỳ hạn trả nợ nhưng ông Nguyễn Hữu G không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên cho bà Hà Thị Ngọc L vì phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N.

Buộc ông Nguyễn Hữu G có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị N số tiền 150.000.000 (*Một trăm năm mươi triệu*) đồng là phù hợp được quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Về lãi xuất do bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ,

- Các Điều 357, 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự;
- Các Điều 26, 35, 126, 146, 147, 217, 227, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị N.
2. Buộc ông Nguyễn Hữu G có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị N số tiền 150.000.000 (*Một trăm năm mươi triệu*) đồng.
3. Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Hữu G phải chịu án phí 7.500.000 (*Bảy triệu năm trăm nghìn*) đồng, án phí dân sự sơ thẩm.
4. Hoàn trả cho bà Hà Thị N, số tiền tạm nộp án phí đã nộp 3.750.000 (*Ba triệu bảy trăm nghìn*) đồng, theo biên lai thu số 305291 ngày 15/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả

các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực - 11;
- THADS Khu vực 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Thanh**